

Bản án số:13/2023/HSST

Ngày: 16/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.
- *Các hội thẩm nhân dân:*
 1. Nguyễn Thị Thanh.
 2. Ông Nguyễn Hồng Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Phương Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 172/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2023/QĐXX-ST ngày 03/01/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đặng Thiềm N, tên gọi khác: Không; sinh năm 1990 tại Phổ Yên- Thái Nguyên; trú tại: Tổ dân phố 4, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên; trình độ văn hoá lớp: 10/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không xác định được bố là ai), con bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có chồng, bị cáo có một con sinh năm 2015.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2022, bị Ủy ban nhân dân phường BH, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” bằng hình thức “*Phạt tiền*” tại Quyết định số 10/QĐ-XPVPHC ngày 18/5/2022 (Bị cáo chưa nộp phạt, chưa được xóa vi phạm).

Nhân thân: Năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tại Bản án số 50/2007/HSST ngày 03/12/2007 (chấp hành xong bản án ngày 05/9/2014).

Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù giam về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” tại Bản án số 28/2008/HSST ngày 27/6/2008 (chấp hành xong bản án ngày 08/8/2011).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2022 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dung-Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (Có mặt tại phiên tòa).

**Bị hại:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1958;

Trú tại: Tổ dân phố 6, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1977;

Trú tại: Tổ dân phố LL, phường BS, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt tại phiên tòa).

**Người làm chứng:*

1. Ông Lê Việt C, sinh năm 1954;

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954;

Cùng trú tại: Tổ dân phố 4, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1966;

Trú tại: Tổ dân phố T, phường TH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

4. Ông Ngô Thanh Cc, sinh năm 1958;

Trú tại: Tổ dân phố 6, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà M, ông C, ông T, ông C đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 ngày 20/6/2022, N một mình đi bộ từ nhà đến khu vực ngã tư gần chợ Phở Yên thì phát hiện có công trình xây dựng thuộc tổ dân phố 4, phường BH, thành phố Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên (Sau xác định được là công trình đang xây nhà của bà Bùi Thị L, sinh năm 1958, trú tại: tổ dân phố 6, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên). N trèo qua bờ tường gạch phía sau công trình xây dựng, nhìn thấy có nhiều thanh sắt không có người trông coi, nên N nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền mua ma túy và tiêu sài cá nhân vì bản thân N là đối tượng nghiện ma túy. Quan sát xung quanh không thấy người, N trèo qua tường rào, đi đến khu vực để các thanh sắt, dùng tay cầm các thanh sắt ném qua tường ra ngoài. Sau khi ném được một số thanh sắt ra ngoài, N đi đến nhà trọ của anh Phạm Văn H thuộc tổ dân phố 3, phường BH, thành phố Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên rồi đẩy chiếc xe kéo (loại xe cải tiến) của anh H để trước cửa phòng trọ đến khu vực để số sắt N vừa ném ra ngoài (chiếc xe kéo này anh H đồng ý từ trước với N nếu sử dụng có thể mượn, tự lấy xe đi được mà không cần hỏi lại). Sau đó, N bê toàn bộ số sắt lên xe cải tiến kéo đi tìm nơi để bán. N kéo xe được khoảng 30 mét ra gần đến đường Quốc lộ 3 thì bị bà Bùi Thị L cùng người dân phát hiện, bà L yêu cầu N kéo xe chở toàn bộ số sắt N vừa

trộm cắp được quay lại khu vực công trình xây dựng. Sau đó bà L trình báo Công an phường BH, thành phố PY. Công an phường BH đã đến hiện trường lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng gồm 21 (hai mươi một) kg sắt phi 6, màu xám được uốn thành hình chữ nhật; 49 (bốn mươi chín) kilogram sắt phi 6, vằn xoắn, màu xám, gồm các đoạn sắt thẳng và 01 (một) chiếc xe kéo (loại xe cải tiến) cũ, đã qua sử dụng. Sau đó Công an phường BH đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phổ Yên để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 16/8/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phổ Yên đã ra yêu cầu định giá tài sản số 65/CSĐT đối với 21 (hai mươi một) kg kim loại sắt gồm: Các thanh kim loại sắt phi 6 được uốn thành hình chữ nhật, màu xám và 49kg (bốn mươi chín) kilogram kim loại sắt gồm: Các thanh kim loại sắt thẳng, loại sắt phi 6, vằn xoắn, màu xám có độ dài ngắn nhất là 70cm, dài nhất là 170cm mà N trộm cắp của chị L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 58 ngày 19/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phổ Yên, kết luận:

+ Giá trị 21 kilogram sắt, bao gồm sắt phi 6, màu xám được uốn thành hình chữ nhật giá trị: 315.000 đồng.

+ Giá trị 49 kilogram sắt, bao gồm nhiều đoạn sắt phi 6 vằn xoắn, màu xám độ dài đoạn ngắn nhất là 70cm, độ dài đoạn dài nhất là 170cm, giá trị: 735.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản theo yêu cầu định giá số 65/YC-CSĐT ngày 16/8/2022 của Công an thành phố Phổ Yên là: 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đăng Thiên N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Bị cáo khai bản thân là người nghiện ma túy từ nhiều năm nay. Khoảng 10 giờ 00 ngày 20/6/2022, bị cáo một mình đi bộ qua khu vực ngã tư gần chợ Phổ Yên thì phát hiện có công trình dựng nhà của bà Bùi Thị L, sau khi phát hiện thấy tại khu vực công trình có để nhiều thanh sắt không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền mua ma túy và tiêu sài cá nhân. N đã trộm cắp được 21 kilogram sắt, bao gồm sắt phi 6, màu xám được uốn thành hình chữ nhật giá trị: 315.000 đồng và 49 kilogram sắt, bao gồm nhiều đoạn sắt phi 6 vằn xoắn, màu xám độ dài đoạn ngắn nhất là 70cm, độ dài đoạn dài nhất là 170cm giá trị: 735.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên là: 1.050.000 đồng. Trong quá trình kéo số tài sản đi bán thì bị chủ nhà và người dân phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ số vật chứng như nêu ở trên, ngoài vụ trộm cắp này N không thực hiện vụ trộm cắp nào khác và không có ai thực hiện hành vi trộm cắp cùng N.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT- VKSPY ngày 21/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Thiên N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc thẩm vấn đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo

cáo Nguyễn Đăng Thiên N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Đăng Thiên N từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

Về vật chứng: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo N vì các bị cáo là hộ cận nghèo.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo N. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện viện Kiểm sát và đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo.

Nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phổ Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Tại phiên tòa bị hại vắng (đã có đơn xin xét xử vắng mặt); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt không có lý do. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được, Bản kết luận định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Bản thân bị cáo N là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Khoảng 10 giờ 00 ngày 20/6/2022, tại khu vực công trình xây dựng thuộc tổ dân phố 4, phường BH,

thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên; Sau khi quan sát thấy sắt để trong công trình xây dựng của gia đình bà Bùi Thị L không có người trong coi, Bị cáo Nguyễn Đăng Thiện N đã nảy sinh ý định trộm cắp số sắt này để bán lấy tiền mua ma túy và tiêu sài các nhân, N đã trộm được cấp 21 (hai mươi một) kilogam sắt phi 6, màu xám được uốn thành hình chữ nhật và 49 (bốn mươi chín) kilogam sắt (phi) 6, vân xoắn, màu xám, gồm các đoạn sắt thẳng của bà Bùi Thị L có tổng trị giá là 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ số vật chứng như nêu ở trên. Mặc dù số tài sản N trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nhưng N đã có tiền sự về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa vi phạm, nên hành vi này của N đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Thiện N theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; ...”.

[4]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, xong hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ được việc làm của mình là sai trái. Bị cáo đã từng bị xét xử và bị áp dụng hình phạt tù, nhưng đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, sau khi ra trại vẫn tiếp tục tái nghiện ma túy, khi không có tiền để mua ma túy thì đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy và tiêu sài cá nhân nên đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó việc đưa bị cáo ra xét xử bằng pháp luật hình sự là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung.

[5] . Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt thấy: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động được gia đình nuôi ăn học đến lớp 10 thì nghỉ học. Bị cáo đã không chịu tu dưỡng rèn luyện nên đã dẫn đến việc nghiện ma túy. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 30/6/2007 tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tại Bản án số 50/2007/HSST ngày 03/12/2007 (chấp hành xong bản án ngày 05/9/2014). Trong thời gian cơ quan điều tra Công an Phổ Yên đang điều tra vụ án thì ngày 24/11/2007 tiếp tục có hành vi “*Cưỡng đoạt tài sản*” đến ngày 27/6/2008 bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù giam về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” tại Bản án số

28/2008/HSST ngày 27/6/2008 (chấp hành xong việc nộp tiền án phí hình sự ngày 08/8/2011). Đối với phần trách nhiệm dân sự bị cáo N phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 480.000đồng cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Theo bản án xác định những người này đều có mặt tại phiên tòa. Tại biên bản xác minh của cơ quan điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên xác định: “ Do bên được thi hành án không có đơn yêu cầu nên cơ quan thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên không giải quyết”. Áp dụng quy định có lợi cho bị cáo nên xác định bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích, nên cần xác định là nhân thân. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xong bị cáo là người có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy và sau lần đi cải tạo về bị cáo đã không lấy đó làm bài học để sửa chữa, lại tiếp tục phạm tội. Qua đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian thì mới có thể cải tạo bị cáo thành người tốt được và cũng để răn đe phòng ngừa chung.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đã đề nghị là phù hợp được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Bùi Thị L đã nhận lại được toàn bộ số tài sản do bị cáo N trộm cắp và không có đề nghị gì thêm nên không đặt ra việc giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe kéo (loại xe cải tiến) cũ, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Văn H quản lý, sử dụng; 21 (hai mươi một) kilogam sắt phi 6, màu xám được uốn thành hình chữ nhật và 49 (bốn mươi chín) kilogam sắt (phi) 6, vân xoắn, màu xám, gồm các đoạn sắt thẳng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Bùi Thị L quản lý, sử dụng nên không đặt ra việc giải quyết;

[9]. Về án phí: Bị cáo N là hộ cận nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo N.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng Thiên N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Đăng Thiên N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ,tạm giam 06/10/2022.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đăng Thiên N 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo công tác thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về vật chứng: Không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đăng Thiên N.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Công an thành phố Phổ Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- CCTHA thành phố Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- UBND phường BH;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy